

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN CHÂU  
TỈNH TÂY NINH**

Bản án số: 84/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 09-12-2021

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Bùi Văn Cương**.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Trần Hữu Tiến**;

2. Ông **Nguyễn Văn Thượng**.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Phú**, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông **Nguyễn Quốc Cường** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 209/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị Đ**, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ A, khu phố B, thị trấn C, huyện T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh **Hoàng Xuân L**, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ A, khu phố B, thị trấn C, huyện T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn xin ly hôn **ngày 22/3/2021** cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị **Bùi Thị Đ** trình bày:

Chị và anh L chung sống với nhau vào năm 2006 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa, hôn nhân của anh chị là tự nguyện. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến cách đây khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn do anh L thường xuyên uống rượu về nhà vô cớ gây gổ với chị, anh L không còn lo lắng cho gia đình. Chị đã cố gắng khuyên can nhiều lần nhưng anh L vẫn không thay đổi, nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn

nên yêu cầu được ly hôn, chị và anh L đã không còn chung sống với nhau từ cuối tháng 3 năm 2021 đến nay.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Hoàng Xuân T, sinh ngày 10/4/2007 và Hoàng Thị Trường X, sinh ngày 18/02/2014. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con

- Về tài sản chung, nợ chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh L trình bày:*

Anh và chị Đ chung sống với nhau vào năm 2006 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa, hôn nhân của anh chị là tự nguyện. Cuộc sống của vợ chồng hạnh phúc đến cách đây khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn do công việc làm ăn của anh không thuận lợi, khi chị Đ nộp đơn ly hôn thì có thông báo cho anh biết. Theo anh lý do chị Đ ly hôn là do anh nóng giận nên anh có đánh chị Đ, phía Công an thị trấn Tân Châu, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh có xử phạt hành chính đối với anh. Trước đây cũng có một số lần anh có đánh chị Đ do mâu thuẫn về chuyện tiền bạc trong gia đình, nguyên nhân do anh đi làm không đưa tiền về cho chị Đ nên hai bên xảy ra cãi vã, do đã uống rượu nên anh đã đánh chị Đ. Anh không phải là người nghiện rượu, do công việc làm ăn nên khoảng 3 đến 4 ngày anh mới uống rượu một lần. Vợ chồng chỉ xảy ra cãi vã khi anh có uống rượu. Hiện nay, chị Đ đã bỏ ra ngoài sống từ cuối tháng 3 năm 2021 đến nay, chị Đ sinh sống ở đâu thì anh không biết. Trước đây, khi vợ chồng xảy ra cãi vã chị Đ cũng đã bỏ nhà đi khoảng 02 tháng. Nay anh vẫn còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn. Trường hợp nếu chị Đ đồng ý giao hai con chung cho anh nuôi dưỡng thì anh đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Hoàng Xuân T, sinh ngày 10/4/2007 và Hoàng Thị Trường X, sinh ngày 18/02/2014. Sau khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, anh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con

- Về tài sản chung, nợ chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án để xét xử theo hướng:

- + Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đ đối với anh L.
- + Giao 02 con chung cho chị Đ tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng, ghi nhận chị Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.
- + Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- + Về án phí: Chị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng công khai tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Bùi Thị Đ vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn anh Hoàng Xuân L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với chị Đ và anh L.

[2] Về hôn nhân: Chị Đ và anh L thừa nhận chung sống với nhau vào năm 2006, có đăng ký kết hôn ngày 03/02/2006 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hòa là phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn do chị Đ cung cấp. Chị Đ cho rằng quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn không hàn gắn được nên yêu cầu được ly hôn. Phía anh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Xét yêu cầu và lời trình bày của chị Đ thấy rằng: Anh chị thực tế có mâu thuẫn với nhau trong một khoảng thời gian dài không điều hòa được. Chị Đ và anh L thường xuyên gây gổ, cãi vã với nhau, chị Đ không còn tình cảm với anh L và cương quyết ly hôn dù đã được động viên, hòa giải để đoàn tụ. Do đó, đã có đủ cơ sở xác định anh chị không xây dựng được hạnh phúc gia đình, tình trạng hôn nhân giữa anh chị đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị Đ là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Hoàng Xuân T, sinh ngày 10/4/2007 và Hoàng Thị Trường X, sinh ngày 18/02/2014. Hai con chung có nguyện vọng muốn sống với mẹ. Xét thấy, việc giao 02 con chung cho chị Đ tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Ghi nhận chị Đ không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con. Anh L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

**1.** Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị Đ đối với anh Hoàng Xuân L. Chị Bùi Thị Đ được ly hôn với anh Hoàng Xuân L.

**2.** Về con chung: Chị Bùi Thị Đ tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng hai con chung tên Hoàng Xuân T, sinh ngày 10/4/2007 và Hoàng Thị Trường X, sinh ngày 18/02/2014. Ghi nhận chị Bùi Thị Đ không yêu cầu anh Hoàng Xuân L phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Hoàng Xuân L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

**3.** Về tài sản chung và nợ chung: Chị Bùi Thị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

**4.** Về án phí: Chị Bùi Thị Đ phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001821 ngày 22/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; chị Bùi Thị Đ đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho chị Đ và anh L biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

#### **Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Văn Cường**